

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 - 2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tân Văn Dũng;

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xóm x, thôn A, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2021, bản trình bày ngày 23/8/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2010.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm, đòi

sống chung vợ chồng không còn, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Từ tháng 5 năm 2011, bà bỏ về nhà cha mẹ để ở Phú Thọ sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Nguyễn Việt H, sinh ngày 19/10/2002 và Nguyễn Việt T, sinh ngày 24/6/2005. Con H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con T hiện đang sinh sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con T, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ngày 27/8/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Dũng trình bày:

Ông và bà N biết nhau từ năm 1998 và sống chung với nhau nhưng đến năm 2010 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc, khoảng năm 2011 kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, bà N dẫn con về Phú Thọ sinh sống cho đến nay. Vợ chồng ly thân đã lâu nay, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Nguyễn Việt H, sinh ngày 19/10/2002 và Nguyễn Việt T, sinh ngày 24/6/2005. Con H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con T hiện đang sinh sống cùng bà N, ông thống nhất sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Về con chung: Nguyễn Việt H, sinh ngày 19/10/2002 và Nguyễn Việt T, sinh ngày 24/6/2005. Con H đã trưởng thành, có khả năng lao động, học tập nên đề nghị không xem xét. Con T hiện đang sinh sống cùng bà N, nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất giao cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc do đó đề nghị HĐXX tiếp tục giao con cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc con T, tạm thời ông D không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Đề nghị buộc bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012. Những tình tiết, sự kiện trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông D là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà N, bà N được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Việt H, sinh ngày 19/10/2002 và Nguyễn Việt T, sinh ngày 24/6/2005. Con H đã trưởng thành, có khả năng lao động, học tập. Con T hiện đang sinh sống với bà N và có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống với bà N. Bà N và ông H thống nhất giao con T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó HĐXX giao con T cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời ông D không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung không có.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82,

Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Việt T, sinh ngày 24/6/2005 cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông D tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khi có lý do chính đáng, bà N, ông D có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0007231 ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND N, huyện Tư Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

